

Bản án số: 03/2022/HN-ST

Ngày: 17/01/2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI – BẾN TRE**

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Long

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Công Trung

2. Bà Hà Thị Dung

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Diễm – Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 211/2021/TLST - HNGĐ ngày 07/5/2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2021/QĐST - HNGĐ ngày 29/11/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2021/QĐST – HNGĐ ngày 29/12/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bé M, sinh năm 1978 (vắng mặt – có đơn)

Địa chỉ: ấp 2, xã H, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre

Bị đơn: Anh Nguyễn Tấn H, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp G, xã A, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bé M trình bày:

Chị và anh Nguyễn Tấn H cưới nhau năm 2015 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã A (Ba Tri – Bến Tre) ngày 28/7/2015. Sau khi cưới vợ chồng sống chung với gia đình anh H, cuộc sống vợ chồng lúc đầu hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh H không chịu lo làm ăn chăm lo cho vợ con, thường xuyên tụ tập bạn bè nhậu nhẹt, hay vô cớ kiếm chuyện với chị, chị

và gia đình có khuyên nhiều lần nhưng anh H không thay đổi nên chị đã sống ly thân với anh H cách nay hơn một năm, trong thời gian ly thân cả hai bên không có liên lạc với nhau, nay chị không còn tình cảm vợ chồng với anh H nên chị yêu cầu ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Tấn H, sinh ngày 26/10/2016, hiện con chung đang sống với chị, trường hợp Tòa án giải quyết cho chị và anh H ly hôn thì chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H, tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi cháu H.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình tố tụng vụ án, bị đơn anh Nguyễn Tấn H không có văn bản thể hiện ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của chị M, không đến Tòa án để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm nên không có lời trình bày.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri trình bày quan điểm:*

- Về thủ tục: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 BLTTDS; bị đơn vắng mặt không lý do trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa xét xử nên chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 BLTTDS.

- Về nội dung: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Bé M được ly hôn với anh Nguyễn Tấn H; Về con chung: giao con chung Nguyễn Tấn H, sinh ngày 26/10/2016 cho chị M được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị M không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết; Nợ chung: không có do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

Về thủ tục: Bị đơn anh Nguyễn Tấn H đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử nhưng anh H vắng mặt không lý do. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bé M có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị M và anh H.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Chị M và anh H cưới nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre ngày 28/7/2015 nên là hôn nhân hợp pháp, trong thời gian chung sống hai bên đã xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau dẫn đến mất hạnh phúc vợ chồng, nhưng hai bên không có biện pháp tháo gỡ hàn gắn. Anh H biết việc chị M yêu cầu ly hôn với anh nhưng trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Ba Tri đã nhiều lần tiến hành tổ chức phiên hòa giải để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng anh H vẫn vắng mặt không có lý do, cũng không gửi văn bản thể hiện ý kiến muốn hàn gắn tình cảm với chị M. Điều đó thể hiện anh H đã không có thiện chí muốn vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị M và anh H là trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị M với anh H là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Nguyễn Tấn H, sinh ngày 26/10/2016, từ khi chị M và anh H sống ly thân đến nay thì con chung sống cùng chị M, cuộc sống của con chung đã ổn định, chị M có nguyện vọng được nuôi con chung, anh H không có ý kiến tranh chấp về việc nuôi con chung. Do đó, xét thấy yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung của chị M là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ghi nhận sự tự nguyện của chị M không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: không ai yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) chị Nguyễn Thị Bé M phải nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Bé M ly hôn với anh Nguyễn Tấn H.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Bé M có quyền tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung: Nguyễn Tấn H, sinh ngày 26/10/2016. Ghi nhận sự tự nguyện của chị M không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Tấn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không ai yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) chị Nguyễn Thị Bé M phải nộp và được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000426 ngày 08 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị M đã nộp xong.

Chị Nguyễn Thị Bé M, anh Nguyễn Tấn H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND xã A (Ba Tri – Bến Tre);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Văn Long